

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giao dịch trong vùng 1,235 – 1,240 trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,242.11 điểm, tăng gần 9 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dầu khí và Công nghệ thông tin dẫn đầu đà tăng. Ở chiều ngược lại, ngành Bán lẻ có phiên giao dịch không tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng nhẹ trên sàn HNX. Trong những phiên giao dịch tới, thị trường có thể tiếp tục quán tính tăng điểm về vùng 1,250 – 1,255. Tại đây, VN-Index cần một cây nến chỉ hướng với thanh khoản ủng hộ để xác nhận đà hồi phục.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 26/07/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+8.92** điểm, đóng cửa tại **1242.11** điểm. HNX-Index **+1.41** điểm, đóng cửa tại **236.66** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MSN (+1.09)**, **FPT (+1.09)**, **BCM (+0.89)**, **CTG (+0.66)**, **PLX (+0.46)**.
- Kéo chỉ số giảm: **LPB (-0.60)**, **VRE (-0.22)**, **NVL (-0.12)**, **FRT (-0.09)**, **VGC (-0.06)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **10,095** tỷ đồng, tăng **4.77%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 11,831 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 8.06 điểm. Thị trường có **284** mã tăng, 80 mã tham chiếu, **129** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **383.98 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **KDC (470.58 tỷ)**, **VCB (107.17 tỷ)**, **BID (70.82 tỷ)**, **MSN (67.03 tỷ)**, **FPT (45.57 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-35.20 tỷ đồng**.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.74%**. Các mã diễn biến tích cực: **POW (+4.26%)**, **MSN (+3.24%)**, **CTR (+3.10%)**.
- BSC50 **+0.30%**. Các mã diễn biến tích cực: **DBC (+3.57%)**, **PLX (+2.80%)**, **C4G (+2.17%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.74%	0.30%	0.72%	0.76%
1 tuần	-3.28%	-2.65%	-2.50%	-2.31%
1 tháng	-1.56%	-3.09%	-1.25%	0.04%
3 tháng	5.59%	6.92%	3.16%	2.13%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,242.11	236.66	95.18
% 1D	0.72%	0.60%	0.71%
GTGD (tỷ VND)	10,095	659	647
%1D	4.77%	-4.47%	23.22%
GDNN (tỷ VND)	383.98	-35.20	21.76

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
KDC	470.58	DGC	-86.51
VCB	107.17	MWG	-84.54
BID	70.82	SSI	-73.37
MSN	67.03	HPG	-54.66
FPT	45.57	VHM	-35.71

Thị trường thế giới

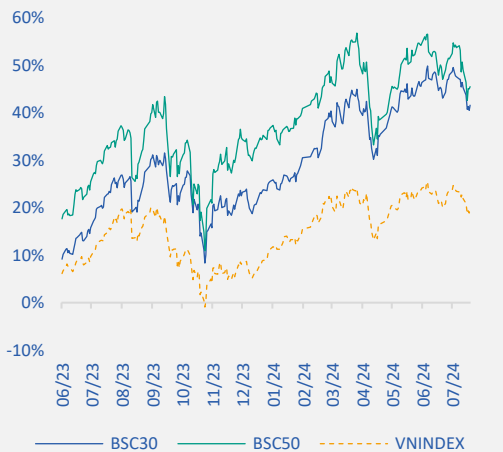
		%D	%W
SPX	5,399	-0.51%	-2.62%
FTSE100	8,263	0.93%	1.31%
Eurostoxx	4,850	0.92%	0.34%
Shanghai	2,891	0.14%	-3.07%
Nikkei	37,654	-0.64%	-6.08%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	82.52	0.18%
Giá vàng	2,367	0.65%
Tỷ giá		
USD/VND	25,461	0.00%
EUR/VND	28,221	0.09%
JPY/VND	165	-0.12%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.8%	0.01%
LS LNH 1M	4.9%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



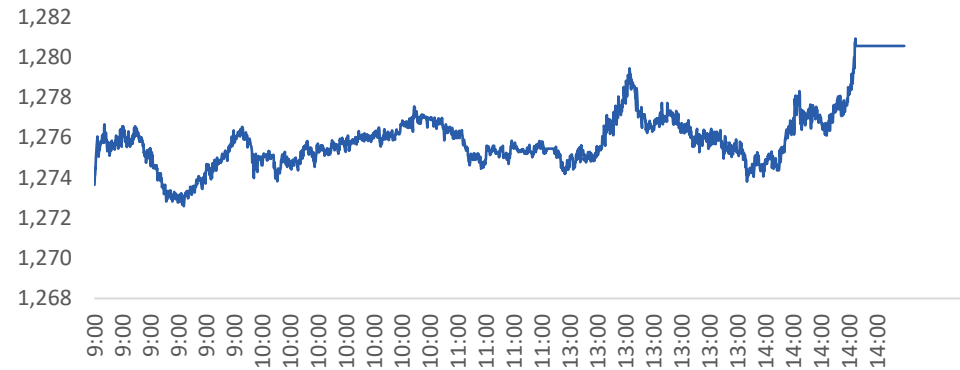
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1286	0.74%	166	-63.83%	9/19/2024	55
VN30F2412	1285.1	0.48%	32	-56.8%	12/19/2024	146
VN30F2503	1285	0.24%	16	-54.29%	3/20/2025	237
VN30F2408	1285	0.66%	164109	-20.86%	8/15/2024	20

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +9.66 điểm, đóng cửa tại 1281.84 điểm. Biên độ dao động 9.66 điểm. Các cổ phiếu như FPT, MSN, MBB, STB, CTG tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 Duy trì được sắc xanh từ khi mở cửa, kết phiên chỉ số đóng cửa tăng gần 10 điểm. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2409.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMBB2314	8/9/2024	14	43,100	2.69%	20.00	1,200	9.1%	1.05	24.80	24.15	24.15
CMBB2317	8/21/2024	26	620,400	2.28%	20.00	940	6.8%	0.85	24.70	24.15	24.15
CHPG2329	8/5/2024	10	122,800	11.26%	29.00	770	5.5%	0.08	30.54	27.45	27.45
CMBB2312	8/5/2024	10	15,300	2.61%	19.50	2,640	5.2%	2.34	24.78	24.15	24.15
CFPT2313	8/9/2024	14	36,900	16.01%	100.00	4,640	2.9%	2.64	146.40	126.20	126.20
CVIB2307	8/21/2024	26	572,700	8.20%	21.00	390	2.6%	0.18	22.56	20.85	20.85
CVPB2314	8/9/2024	14	299,800	31.01%	24.00	10	0.0%	0.00	24.04	18.35	18.35
CSTB2327	8/9/2024	14	1,351,600	11.16%	32.00	30	0.0%	0.02	32.18	28.95	28.95
CMSN2311	8/5/2024	10	49,800	20.95%	88.50	20	0.0%	0.00	88.66	73.30	73.30
CVRE2313	8/5/2024	10	700	53.06%	29.50	10	0.0%	0.00	29.54	19.30	19.30
CVNM2310	8/9/2024	14	36,900	21.36%	80.00	10	0.0%	0.00	80.10	66.00	66.00
CFPT2310	8/5/2024	10	3,500	14.78%	84.51	7,630	-1.4%	5.29	144.85	126.20	126.20
CVIB2304	8/9/2024	14	349,900	6.47%	20.00	550	-1.8%	0.28	22.20	20.85	20.85
CVPB2321	8/21/2024	26	237,400	8.77%	18.00	280	-3.4%	0.13	19.96	18.35	18.35
CACB2307	8/21/2024	26	47,800	19.92%	25.00	640	-8.6%	0.07	28.84	24.05	24.05
CMWG2310	8/5/2024	10	56,400	0.99%	54.50	1,340	-10.7%	1.24	61.20	60.60	60.60
CTCB2307	8/5/2024	10	200	106.14%	34.00	3,250	-16.5%	0.00	47.00	22.80	22.80
CVIC2308	8/9/2024	14	223,800	22.42%	50.00	50	-16.7%	0.00	50.50	41.25	41.25
CVPB2312	8/5/2024	10	559,900	15.75%	21.00	120	-20.0%	0.00	21.24	18.35	18.35
CSTB2325	8/5/2024	10	23,500	9.50%	31.50	50	-83.3%	0.02	31.70	28.95	28.95

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 26/07/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giảm co của cổ phiếu cơ sở.
- CSHB2306 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 36.11%. CMWG2314 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.84%.
- CTCB2307, CVRE2313, CVPB2314, CVIC2308, và CVNM2310 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVNM2404, CVNM2403, CVNM2315, CMWG2401, và CHPG2339 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	128.00	2.40%	3.44
MSN	74.00	4.23%	2.32
MBB	24.30	1.46%	1.06
STB	29.10	1.04%	0.59
CTG	32.05	1.58%	0.42

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VRE	19.30	-2.03%	-0.37
VHM	37.75	-0.13%	-0.07
VJC	107.80	-0.09%	-0.03

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSN	74.00	4.23%	1.09	1.44
FPT	128.00	2.40%	1.09	1.46
BCM	72.50	4.92%	0.89	1.04
CTG	32.05	1.58%	0.66	5.37
PLX	47.80	3.13%	0.46	1.27

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	41.80	1.95%	0.28	0.48
PVI	53.00	2.91%	0.26	0.23
KSV	36.30	3.71%	0.19	0.20
IDC	57.70	1.23%	0.17	0.33
MBS	31.00	1.64%	0.16	0.44

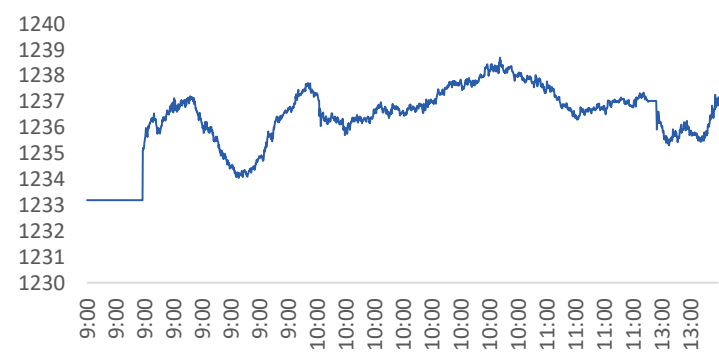
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DHM	9.39	6.95%	0.00	0.02
HVH	9.09	6.94%	0.01	1.65
FUCTVGF3	12.05	6.64%	0.00	0.00
DMC	70.00	6.06%	0.04	0.00
TDG	5.30	6.00%	0.00	0.20

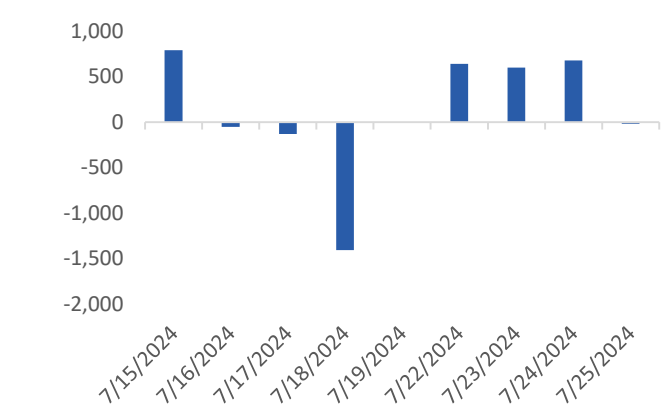
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MED	45.30	9.95%	0.14	0.00
L40	26.80	9.84%	0.12	0.00
INC	21.40	9.74%	0.03	0.00
TKU	37.20	9.73%	0.03	0.00
TMX	17.00	9.68%	0.29	0.00

Hình 1
HSX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
LPB	29.40	-3.29%	-0.60	2.56
VRE	19.30	-2.03%	-0.22	2.27
NVL	11.05	-2.21%	-0.12	1.95
FRT	169.10	-1.69%	-0.09	0.14
VGC	48.85	-1.11%	-0.06	0.45

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTK	13.90	-9.74%	-0.67	0.68
CEO	15.30	-1.29%	-0.07	0.51
NVB	9.20	-1.08%	-0.04	0.56
HTP	5.60	-9.68%	-0.04	0.09
GKM	38.50	-3.75%	-0.03	0.03

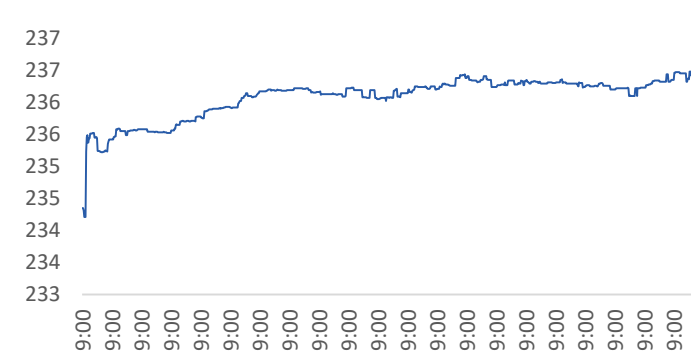
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
LEC	6.33	-6.91%	-0.03	0.12
RDP	2.57	-6.88%	0.00	1.04
LDG	2.25	-6.64%	-0.01	0.61
SRC	33.15	-6.49%	-0.01	0.01
FUEIP100	8.50	-5.24%	0.00	0.00

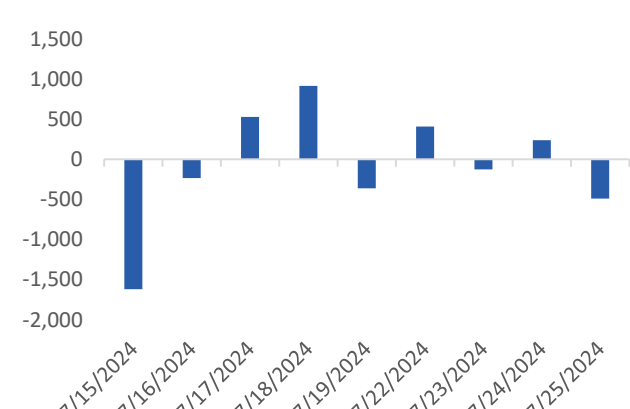
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SGH	31.70	-9.94%	-0.15	0.00
DTK	13.90	-9.74%	-3.45	0.01
HTP	5.60	-9.68%	-0.19	1.23
CAN	38.80	-9.56%	-0.07	0.00
DTC	5.30	-8.62%	-0.02	0.05

Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	87.3	0.00%	0.6	19,248	3.1	5,838	15.0	-	23.2%	Link
BID	Ngân hàng	46.2	0.50%	1.1	10,400	2.3	3,841	12.0	-	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	18.4	0.30%	1.0	5,759	5.6	1,397	13.2	-	26.7%	Link
TCB	Ngân hàng	22.8	0.00%	1.1	6,322	5.7	3,047	7.5	-	21.8%	Link
MBB	Ngân hàng	24.3	1.50%	0.9	5,086	11.7	3,818	6.4	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	29.1	1.00%	1.1	2,164	6.2	4,206	6.9	-	23.2%	Link
CTG	Ngân hàng	32.0	1.60%	1.3	6,789	4.1	3,751	8.5	-	26.1%	Link
ACB	Ngân hàng	24.1	0.20%	0.8	4,246	3.3	3,676	6.6	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	32.1	0.60%	1.2	1,911	8.9	1,704	18.8		42.6%	Link
IDC	Xây dựng	57.7	1.20%	1.2	751	1.4	5,880	9.8	65,700	24.1%	Link
HPG	VLXD	27.4	0.40%	1.2	6,926	9.5	1,601	17.1	41,500	24.4%	Link
HSG	VLXD	23.2	1.30%	1.7	562	4.3	1,423	16.3	25,300	20.4%	Link
VHM	BĐS	37.8	-0.10%	1.0	6,484	5.8	5,326	7.1	108,300	15.7%	Link
KDH	BĐS	36.0	0.00%	1.4	1,135	1.4	726	49.6	44,500	39.6%	Link
NLG	BĐS	41.8	0.50%	1.4	634	1.0	1,102	37.9	-	49.4%	Link
DGC	Hóa chất	113.2	2.00%	1.4	1,696	11.6	7,849	14.4	115,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	36.3	1.50%	1.3	758	4.2	2,313	15.7	38,700	8.5%	Link
GAS	Dầu khí	77.2	0.50%	0.6	6,994	1.7	4,688	16.5	-	1.9%	Link
PVS	Dầu khí	41.8	2.00%	1.1	788	4.2	1,992	21.0	57,000	21.6%	Link
PVD	Dầu khí	28.0	0.90%	1.3	613	2.7	1,200	23.3	38,400	16.2%	Link
POW	Dầu khí	13.6	5.00%	0.8	1,252	6.9	350	38.8	17,100	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	71.5	1.40%	1.2	633	0.9	3,774	18.9	108,500	29.6%	Link
GMD	Logistics	79.0	1.70%	0.9	968	2.0	8,430	9.4	90,400	48.1%	Link
VNM	Bán lẻ	65.8	0.30%	0.6	5,425	7.7	4,408	14.9	93,100	50.1%	Link
MSN	Bán lẻ	74.0	4.20%	1.3	4,416	21.1	215	343.6	110,000	28.5%	Link
MWG	Bán lẻ	61.0	0.00%	1.3	3,518	10.5	717	85.1	-	46.8%	Link
PNJ	Bán lẻ	96.2	1.50%	0.9	1,270	2.3	5,860	16.4	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	60.3	1.00%	1.7	397	4.1	2,200	27.4	66,600	24.4%	Link
FPT	Bán lẻ	128.0	2.40%	1.0	7,374	20.0	4,889	26.2	107,900	45.2%	Link
CTR	Hạ tầng	133.0	3.10%	1.3	600	2.4	4,582	29.0	-	10.4%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	25.1	0.20%	0.9	2,884	5.5	3,809	6.6	1.6	18.2%	25.4%
VIB	Ngân hàng	20.9	0.50%	1.1	2,092	1.2	3,315	6.3	1.4	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	17.8	0.30%	1.2	1,550	3.9	2,050	8.7	1.1	28.4%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.7	1.00%	1.1	1,160	1.6	2,310	6.4	0.9	29.4%	16.0%
EIB	Ngân hàng	18.4	0.80%	1.0	1,267	1.6	1,147	16.1	1.4	2.9%	10.1%
HCM	Chứng khoán	25.4	1.40%	1.6	705	2.4	1,397	18.2	1.7	45.1%	8.3%
VCI	Chứng khoán	45.0	1.00%	1.7	785	2.7	1,763	25.6	2.2	19.2%	7.1%
VND	Chứng khoán	15.8	0.30%	1.5	946	2.9	1,591	9.9	1.4	12.6%	13.1%
BSI	Chứng khoán	42.8	-0.30%	1.7	377	0.5	2,165	19.8	1.8	39.9%	9.0%
SHS	Chứng khoán	16.8	1.20%	1.7	539	3.1	1,338	12.6	1.2	9.0%	5.7%
CTD	Xây dựng	67.2	1.10%	1.2	265	1.1	2,709	24.8	0.8	47.1%	2.3%
HHV	Xây dựng	11.4	1.30%	1.5	194	0.6	833	13.6	0.5	8.2%	4.2%
LCG	Xây dựng	11.0	1.80%	1.6	84	0.6	655	16.9	0.8	2.3%	4.6%
SZC	Xây dựng	38.5	2.30%	1.2	273	1.5	1,549	24.8	2.3	3.1%	13.4%
SIP	Xây dựng	78.4	0.80%	1.3	647	0.7	5,701	13.8	3.7	1.6%	26.9%
PHR	BĐS KCN	57.6	2.70%	1.1	308	0.2	3,448	16.7	2.1	18.4%	18.3%
DIG	BĐS	24.3	0.00%	1.7	585	5.3	(38)	-633.0	2.0	4.2%	2.1%
CEO	BĐS	15.3	-1.30%	1.3	326	1.3	312	49.1	1.3	4.8%	2.4%
KBC	BĐS KCN	28.0	0.90%	1.5	848	1.7	1,262	22.2	1.2	20.4%	11.7%
VGC	BĐS KCN	48.8	-1.10%	1.2	864	0.7	2,746	17.8	2.7	5.1%	12.5%
GVR	BĐS KCN	33.1	0.30%	1.5	5,223	3.8	628	52.7	2.6	0.5%	6.2%
NKG	VLXD	23.4	0.60%	1.6	242	1.4	1,222	19.1	1.1	15.4%	2.3%
BMP	Vật liệu	94.4	1.30%	1.0	305	0.4	11,420	8.3	2.9	83.3%	39.1%
IJC	Hạ tầng	15.3	2.30%	1.6	228	2.0	865	17.7	1.3	4.6%	10.3%
DXG	BĐS	14.1	-1.40%	1.7	401	3.8	420	33.6	1.0	17.8%	1.1%
VRE	Bất động sản	19.3	-2.00%	1.2	1,730	10.9	1,975	9.8	1.1	22.9%	12.4%
PDR	Bất động sản	19.8	-1.00%	1.6	684	2.2	557	35.6	1.6	8.0%	7.2%
DIG	Bất động sản	24.3	0.00%	1.7	585	5.3	(38)	-633.0	2.0	4.2%	2.1%
HUT	Xây dựng	16.8	1.20%	1.3	592	0.5	73	229.9	1.5	1.5%	0.7%
C4G	Xây dựng	9.4	2.20%	1.4	-	0.2	433	21.7	0.9	0.0%	4.9%
CSV	Hóa chất	38.2	2.40%	1.8	166	1.4	4,797	8.0	1.1	5.3%	16.1%
DHC	Hóa chất	38.7	0.40%	1.2	123	0.1	3,461	11.2	1.6	39.8%	17.2%
DRC	Cao su	34.5	0.10%	0.8	162	0.3	2,510	13.7	2.2	11.9%	13.2%
PC1	Điện	29.0	1.90%	1.3	355	2.1	651	44.5	1.7	12.1%	4.1%
HDG	BĐS	28.8	1.10%	1.3	382	4.3	2,061	14.0	1.4	15.6%	12.9%
GEX	Điện	22.6	0.90%	1.7	759	4.4	625	36.2	1.5	8.8%	4.1%
QTP	Điện	15.3	0.70%	0.6	-	0.1	1,354	11.3	1.3	1.3%	10.8%
PLX	O&G	47.8	3.10%	1.0	2,396	6.3	2,570	18.6	2.3	17.8%	10.7%
BSR	O&G	22.0	1.40%	1.2	-	3.6	2,588	8.5	1.2	0.7%	15.6%
PLC	O&G	25.7	0.40%	1.5	82	0.1	1,112	23.1	1.6	0.3%	8.4%
ANV	Thủy sản	33.8	0.30%	1.4	177	1.3	262	128.6	1.6	1.1%	1.5%
PTB	Gỗ	68.2	0.00%	0.7	180	0.4	4,765	14.3	1.7	25.0%	10.6%
VSC	Logistics	20.0	0.50%	1.5	210	0.8	532	37.6	1.8	2.5%	6.2%
HAH	Logistics	43.1	0.20%	1.3	206	4.4	3,081	14.0	1.7	9.0%	12.1%
VTP	Logistics	78.3	3.00%	1.5	376	1.8	2,980	26.3	5.8	6.9%	25.6%
DBC	Logistics	28.1	5.60%	1.7	358	7.7	1,729	16.3	1.4	11.9%	0.5%
FRT	Bán lẻ	169.1	-1.70%	0.7	909	1.5	(2,215)	-76.3	13.7	36.0%	11.8%
QNS	Bán lẻ	48.8	0.40%	0.6	-	0.2	6,737	7.2	2.0	15.0%	27.3%
TNG	Dệt may	24.7	0.80%	1.2	120	1.1	1,981	12.5	1.6	19.1%	12.5%
PVT	O&G	28.4	3.10%	1.0	400	2.5	3,150	9.0	1.3	14.0%	14.3%
DPM	Phân bón	35.3	0.90%	1.3	545	1.3	1,372	25.7	1.2	8.1%	4.2%
REE	Tiện ích	71.0	0.70%	1.0	1,319	2.9	4,706	15.1	1.7	49.0%	13.9%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
9	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
12	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639